BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi có 03 trang)

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG NĂM 2010
Môn thi: HÓA HỌC - Giáo dục thường xuyên
Thời gian làm bài: 60 phút.

Mã đề thi 473

Họ, tên thí sinh: .....

Số báo danh: .....

Cho biết nguyên tử khối (theo u) của các nguyên tố là: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; Cu = 64; Zn = 65; Ag = 108.

Câu 1: Đồng phân của fructozơ là
A. saccarozơ. **B.** xenlulozơ. **C.** tinh bột. **D.** glucozơ.

Câu 2: Để phân biệt dung dịch NH_4Cl với dung dịch $BaCl_2$, người ta dùng dung dịch
A. $Mg(NO_3)_2$. **B.** $NaNO_3$. **C.** KNO_3. **D.** KOH.

Câu 3: Hoà tan hoàn toàn 2,7 gam Al bằng dung dịch HNO_3 (loãng, dư), thu được V lít khí NO (sản phẩm khử duy nhất, ở đktc). Giá trị của V là
A. 2,24. **B.** 4,48. **C.** 1,12. **D.** 3,36.

Câu 4: Dãy các kim loại được xếp theo chiều giảm dần tính khử là:
A. K, Zn, Cu. **B.** Zn, Cu, K. **C.** Cu, K, Zn. **D.** K, Cu, Zn.

Câu 5: Axit nào sau đây là axit béo?
A. Axit acrylic. **B.** Axit oleic. **C.** Axit axetic. **D.** Axit fomic.

Câu 6: Cho 15 gam hỗn hợp kim loại Zn, Cu vào dung dịch HCl (dư). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 4,48 lít khí H_2 (đktc) và m gam kim loại không tan. Giá trị của m là
A. 6,4. **B.** 2,2. **C.** 8,5. **D.** 2,0.

Câu 7: Dung dịch làm quỳ tím chuyển sang màu xanh là
A. HCOOH. **B.** CH_3COOH. **C.** C_2H_5OH. **D.** $C_2H_5NH_2$.

Câu 8: Chất nào sau đây là este?
A. CH_3OH. **B.** CH_3CHO. **C.** $CH_3COOC_2H_5$. **D.** HCOOH.

Câu 9: Oxit nào sau đây thuộc loại oxit bazơ?
A. SO_2. **B.** CuO. **C.** NO_2. **D.** CO_2.

Câu 10: Dung dịch NaOH phản ứng được với
A. CuO. **B.** Fe_2O_3. **C.** FeO. **D.** Al_2O_3.

Câu 11: Để phản ứng vừa đủ với 100 ml dung dịch $CuSO_4$ 1M cần m gam bột Zn. Giá trị của m là
A. 3,90. **B.** 9,75. **C.** 6,50. **D.** 3,25.

Câu 12: Cho dãy các kim loại: Mg, Cu, Fe, Ag. Kim loại trong dãy có tính khử mạnh nhất là
A. Mg. **B.** Ag. **C.** Cu. **D.** Fe.

Câu 13: Kim loại phản ứng được với nước ở nhiệt độ thường là
A. Fe. **B.** Cu. **C.** Ba. **D.** Ag.

Câu 14: Kim loại phản ứng được với dung dịch HNO_3 đặc, nguội là
A. Cu. **B.** Al. **C.** Cr. **D.** Fe.

Câu 15: Cho CH_3COOCH_3 phản ứng với dung dịch NaOH (đun nóng), sinh ra các sản phẩm là
A. CH_3COONa và CH_3COOH. **B.** CH_3COONa và CH_3OH.
C. CH_3OH và CH_3COOH. **D.** CH_3COOH và CH_3ONa.

Câu 16: Cho dãy các dung dịch: glucozơ, saccarozơ, etanol, glixerol. Số dung dịch trong dãy phản ứng được với $Cu(OH)_2$ ở nhiệt độ thường tạo thành dung dịch có màu xanh lam là
A. 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.

Câu 17: Điều chế kim loại K bằng phương pháp
A. điện phân dung dịch KCl có màng ngăn.
B. điện phân dung dịch KCl không có màng ngăn.
C. dùng khí CO khử ion K^+ trong K_2O ở nhiệt độ cao.
D. điện phân KCl nóng chảy.

Câu 18: Số oxi hóa của crom trong hợp chất CrO_3 là
A. +6. **B.** +3. **C.** +4. **D.** +2.

Câu 19: Cho dãy các chất: $CH_3COOC_2H_5$, C_2H_5OH, H_2NCH_2COOH, CH_3NH_2. Số chất trong dãy phản ứng được với dung dịch NaOH là
A. 2. **B.** 3. **C.** 1. **D.** 4.

Câu 20: Kim loại phản ứng được với dung dịch HCl là
A. Cu. **B.** Au. **C.** Mg. **D.** Ag.

Câu 21: Quặng boxit là nguyên liệu dùng để điều chế kim loại
A. nhôm. **B.** chì. **C.** natri. **D.** đồng.

Câu 22: Công thức hóa học của sắt(III) hiđroxit là
A. Fe_2O_3. **B.** $Fe(OH)_2$. **C.** FeO. **D.** $Fe(OH)_3$.

Câu 23: Dãy gồm các hợp chất được xếp theo thứ tự tăng dần lực bazơ là:
A. CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$ (anilin), NH_3. **B.** $C_6H_5NH_2$ (anilin), CH_3NH_2, NH_3.
C. $C_6H_5NH_2$ (anilin), NH_3, CH_3NH_2. **D.** NH_3, CH_3NH_2, $C_6H_5NH_2$ (anilin).

Câu 24: Dung dịch nào sau đây phản ứng được với dung dịch Na_2CO_3 tạo kết tủa?
A. NaCl. **B.** KNO_3. **C.** KCl. **D.** $CaCl_2$.

Câu 25: Chất thuộc loại cacbohiđrat là
A. lipit. **B.** glixerol. **C.** xenlulozơ. **D.** poli(vinyl clorua).

Câu 26: Kim loại Fe phản ứng được với dung dịch
A. KCl. **B.** $CuCl_2$. **C.** $CaCl_2$. **D.** NaCl.

Câu 27: Sắt (Fe) ở ô số 26 của bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. Cấu hình electron của ion Fe^{3+} là
A. $[Ar]3d^5$. **B.** $[Ar]3d^6$. **C.** $[Ar]4s^13d^4$. **D.** $[Ar]4s^23d^3$.

Câu 28: Cho 6,0 gam $HCOOCH_3$ phản ứng hết với dung dịch NaOH (dư), đun nóng. Khối lượng muối HCOONa thu được là
A. 3,4 gam. **B.** 6,8 gam. **C.** 8,2 gam. **D.** 4,1 gam.

Câu 29: Nhỏ vài giọt nước brom vào dung dịch anilin, thấy xuất hiện kết tủa màu
A. đỏ. **B.** trắng. **C.** tím. **D.** xanh.

Câu 30: Cho dãy các kim loại: Fe, W, Hg, Cu. Kim loại trong dãy có nhiệt độ nóng chảy thấp nhất là
A. W. **B.** Cu. **C.** Hg. **D.** Fe.

Câu 31: Polime được điều chế bằng phản ứng trùng ngưng là
A. polietilen. **B.** nilon-6,6. **C.** poli(vinyl clorua). **D.** polistiren.

Câu 32: Cho m gam glucozơ phản ứng hoàn toàn với lượng dư dung dịch $AgNO_3$ trong NH_3 (đun nóng), thu được 0,2 mol Ag. Giá trị của m là
A. 18,0. **B.** 16,2. **C.** 9,0. **D.** 36,0.

Câu 33: Chất tham gia phản ứng trùng hợp tạo thành polibuta-1,3-đien là
A. $CH_2=CH_2$. **B.** $CH_2=CH–CH_3$.
C. $CH_2=CH–CH=CH_2$. **D.** $CH_2=CHCl$.

Câu 34: Cho 0,1 mol H_2NCH_2COOH phản ứng vừa đủ với V ml dung dịch NaOH 1M. Giá trị của V là
A. 400. **B.** 100. **C.** 200. **D.** 300.

Câu 35: Chất có chứa nguyên tố nitơ là
A. phenol. **B.** axit axetic. **C.** glyxin. **D.** ancol etylic.

Câu 36: Chất có khả năng làm mềm nước có tính cứng toàn phần là

A. NaCl. **B.** Na_2CO_3. **C.** $CaCl_2$. **D.** $Ca(NO_3)_2$.

Câu 37: Chất có tính lưỡng tính là

A. $NaHCO_3$. **B.** $NaNO_3$. **C.** NaCl. **D.** NaOH.

Câu 38: Chất có chứa 6 nguyên tử cacbon trong một phân tử là

A. glixerol. **B.** saccarozơ. **C.** glucozơ. **D.** etanol.

Câu 39: Trong bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, kim loại kiềm thuộc nhóm

A. IIA. **B.** IVA. **C.** IIIA. **D.** IA.

Câu 40: Canxi cacbonat ($CaCO_3$) phản ứng được với dung dịch

A. $NaNO_3$. **B.** KNO_3. **C.** KCl. **D.** HCl.

---------- HẾT ----------